

CÁC LỄ THẬT TRONG SÁCH MA-THI-Ơ
BÀI 72 - ĐỨC CHÚA JÊSUS SAI CÁC MÔN ĐỒ CỦA NGÀI ĐI TRUYỀN GIÁO. Phần 2
Những nơi các môn đồ của Đức Chúa Jêsus được phép đến.

Ma-thi-ơ 10:1-42: Đức Chúa Jêsus gọi mười hai môn đồ đến, ban quyền phép trừ tà ma, và chữa các thứ tật bệnh. Tên mười hai sứ đồ như sau đây: Sứ đồ thứ nhất là Si-môn, cũng gọi là Phi-e-rơ, và Anh-rê là em người; Gia-cơ con của Xê-bê-đê, và Giăng là em Gia-cơ; Phi-líp cùng Ba-tê-lê-my; Thô-ma, và Ma-thi-ơ là người thu thuế; Gia-cơ con của A-phê, cùng Tha-đê; Si-môn là người Ca-na-an, cùng Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, là kẻ phản Đức Chúa Jêsus. Ấy đó là mười hai sứ đồ Đức Chúa Jêsus sai đi, và có truyền rằng: Đừng đi đến dân ngoại, cũng đừng vào một thành nào của dân Sa-ma-ri cả; song thà đi đến cùng những con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên. Khi đi đường, hãy rao giảng rằng: Nước thiên đàng gần rồi. Hãy chữa lành kẻ đau, khiến sống kẻ chết, làm sạch kẻ phong, và trừ các quỷ. Các người đã được lãnh không thì hãy cho không. Đừng đem vàng, hoặc bạc, hoặc tiền trong lưng các người; cũng đừng đem cái bao đi đường, hoặc hai áo, hoặc giày, hoặc gậy; vì người làm việc đáng được đồ ăn. Các người vào thành nào hay là làng nào, hãy hỏi thăm ai là người đáng tiếp rước mình, rồi ở nhà họ cho đến lúc đi. Và khi vào nhà nào, hãy cầu bình an cho nhà ấy; nếu nhà đó xứng đáng, thì sự bình an các người xuống cho; bằng không, thì sự bình an các người trở về các người. Nếu ai không tiếp rước, không nghe lời các người, khi ra khỏi nhà đó, hay là thành đó, hãy phủ bụi đã dẫm chân các người. Quả thật, ta nói cùng các người, đến ngày phán xét, thì xứ Sô-đôm và xứ Gô-mô-rơ sẽ chịu đoán phạt nhẹ hơn thành ấy. Kìa, ta sai các người đi khác nào như chiên vào giữa bầy muông sói. Vậy, hãy khôn khéo như rắn, đơn sơ như chim bồ câu. Hãy coi chừng người ta; vì họ sẽ nộp các người trước tòa án, đánh đòn các người trong nhà hội; lại vì cốt ta mà các người sẽ bị giải đến trước mặt các quan tổng đốc và các vua, để làm chứng trước mặt họ và các dân ngoại. Song khi họ sẽ đem nộp các người, thì chớ lo về cách nói làm sao, hoặc nói lời gì; vì những lời đáng nói sẽ chỉ cho các người chính trong giờ đó. Ấy chẳng phải tự các người nói đâu, song là Thánh-Linh của Cha các người sẽ từ trong lòng các người nói ra. Anh sẽ nộp em cho bị giết, cha sẽ nộp con cho bị giết, con cái sẽ dấy lên nghịch cùng cha mẹ mà làm cho người phải chết đi. Các người lại sẽ bị thiên hạ ghen ghét vì danh ta; song ai bền lòng cho đến cuối cùng, thì sẽ được rồi. Khi nào người ta bắt bớ các người trong thành này, thì hãy trốn qua thành kia; vì ta nói thật, các người đi chưa khắp các thành dân Y-sơ-ra-ên thì Con người đã đến rồi. Môn đồ không hơn thầy, tôi tớ không hơn chủ. Môn đồ được như thầy, tôi tớ được như chủ, thì cũng đủ rồi. Nếu người ta đã gọi chủ nhà là Bê-ên-xê-bun, phương chi là người nhà! Vậy, các người đừng sợ; vì chẳng có việc gì giấu mà chẳng phải bày ra, cũng chẳng có việc gì kín nhiệm mà sau sẽ chẳng biết. Cho nên lời ta phán cùng các người trong nơi tối tăm, hãy nói ra nơi sáng láng; và lời các người nghe kẻ lỗ tai, hãy giảng ra trên mái nhà. Đừng sợ kẻ giết thân thể mà không giết được linh hồn; nhưng thà sợ Đấng làm cho mất được linh hồn và thân thể trong địa ngục. Hai con chim sẻ há chẳng từng bị bán một đồng tiền sao? Và ví không theo ý muốn Cha các người, thì chẳng hề một con nào rơi xuống đất. Tóc trên đầu các người cũng đã đếm hết rồi. Vậy, đừng sợ chi hết, vì các người quý trọng hơn nhiều con chim sẻ. Bởi đó, ai xưng ta ra trước mặt thiên hạ, thì ta cũng sẽ xưng họ trước mặt Cha ta ở trên trời; còn ai chối ta trước mặt thiên hạ, thì ta cũng sẽ chối họ trước mặt Cha ta ở trên trời. Chớ tưởng rằng ta đến để đem sự bình an cho thế gian; ta đến, không phải đem sự bình an, mà là đem gươm giáo. Ta đến để phân rẽ con trai với cha, con gái với mẹ, dẫu với bà gia; và người ta sẽ có kẻ thù nghịch, là người nhà mình. Ai yêu cha mẹ hơn ta thì không đáng cho ta; ai yêu con trai hay là con gái hơn ta thì cũng không đáng cho ta; ai không vác cây thập tự mình mà theo ta, thì cũng chẳng đáng cho ta. Ai gìn giữ sự sống mình, thì sẽ mất; còn ai vì cốt ta mất sự sống mình, thì sẽ tìm lại được. Ai rước các người, tức là rước ta; ai rước ta, tức là rước Đấng đã sai ta. Ai rước một đấng tiên tri vì là tiên tri, thì sẽ lãnh phần thưởng của đấng tiên tri; ai rước một người công chính vì là công chính, thì sẽ lãnh phần thưởng của người công chính. Ai sẽ cho một người trong bọn nhỏ này chỉ uống một chén nước lạnh, vì người nhỏ đó là môn đồ ta, quả thật, ta nói cùng các người, kẻ ấy sẽ chẳng mất phần thưởng của mình đâu.

Ma-thi-ơ 10:5-8: Ấy đó là mười hai sứ đồ Đức Chúa Jêsus sai đi, và có truyền rằng: **Đừng đi đến dân ngoại, cũng đừng vào một thành nào của dân Sa-ma-ri cả; song thà đi đến cùng những con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên. Khi đi đường, hãy rao giảng rằng: Nước thiên đàng gần rồi. Hãy chữa lành kẻ đau, khiến sống kẻ chết, làm sạch kẻ phung, và trừ các quỷ. Các người đã được lãnh không thì hãy cho không.**

Trong bài này, chúng ta cần nhận biết ý nghĩa và giá trị của mạng lệnh mà Chúa Jêsus đã phán với các môn đồ của Ngài khi Ngài sai họ đi truyền giáo trong những nơi thuộc về dân Giu-đa chứ không đến những nơi thuộc về dân Sa-ma-ri cũng như các vùng thuộc về dân ngoại, vì những sự này thuộc về giao ước mà Đức Giê-hô-Va đã lập với Y-sơ-ra-ên, chứ không phải là nền tảng để áp dụng cho việc rao giảng Tin-Lành của Nước Đức Chúa Trời trên khắp đất, như Đức Chúa Jêsus đã phán trước khi Ngài ngự về thiên đàng với Đức Chúa Cha.

Dân ngoại tức là những người không phải là dân Y-sơ-ra-ên (gồm mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên), là những người không tin và không thờ phượng Đức Chúa Trời.

Tại sao Chúa Jêsus lại không cho các môn đồ của Ngài đi truyền giáo trong các vùng thuộc về dân ngoại cũng như trong các thành của người Sa-ma-ri?

Sa-ma-ri là một địa danh thuộc về một núi (còn được gọi là nơi cao) cách thành Giê-ru-sa-lem khoảng 68 ki-lô-mét về phía Bắc và tại nơi này, người ta đã xây dựng thành cố đô của nhà Y-sơ-ra-ên và là nơi chôn các hài cốt của các vua thuộc nhà Y-sơ-ra-ên. Cố đô này được xây cất bởi Ôm-ri, vua thứ sáu của nhà Y-sơ-ra-ên (trị vì từ năm 885 đến năm 874 B.C.). Sa-ma-ri trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là: **“Núi của sự tranh cãi, theo dõi”**.

Năm 1010 B.C, vua Sau-lơ qua đời, Đa-vít lên làm vua nhà Giu-đa và đến năm 1003 B.C, Đa-vít làm vua cả nhà Giu-đa và nhà Y-sơ-ra-ên và từ đây, Y-sơ-ra-ên được hiệp làm một dưới quyền của vua Đa-vít.

Năm 970 B.C, Đa-vít đã lập con trai mình là Sa-lô-môn, sanh bởi Bát-sê-ba, lên làm vua thay mình và năm 970 B.C đó, Đa-vít qua đời và Sa-lô-môn làm vua của Y-sơ-ra-ên.

Vì vua Sa-lô-môn đã không cẩn thận vâng giữ và làm theo mạng lệnh và luật pháp của Đức Giê-hô-va, nên mầu mống của sự nổi loạn và chia rẽ đã hình thành trong người và truyền tới hậu tự của Sa-lô-môn.

Phục truyền luật lệ ký 7:1-6: Khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã dẫn người vào xứ mình sẽ nhận được, đuổi khỏi trước mặt người nhiều dân tộc, là dân Hê-tít, dân Ghi-rê-ga-sít, dân A-mô-rít, dân Ca-na-an, dân Phê-rê-sít, dân Hê-vít, và dân Giê-bu-sít, tức bảy dân tộc lớn và mạnh hơn người, khi Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đã phó cho các dân ấy cho, và người đánh bại chúng, thì phải diệt hết chúng đi, chớ lập giao ước cùng, và cũng đừng thương xót lấy. Người chớ làm sui gia với chúng, chớ gả con gái mình cho con trai họ, cũng đừng cưới con gái họ cho con trai mình, vì các dân tộc này sẽ dụ con trai người lìa bỏ ta mà phục sự các thần khác, rồi cơn thịnh nộ của Đức Giê-hô-va nổi lên cùng người, diệt người cách vội vàng. Nhưng đối cùng các dân đó, các người phải làm như vậy: phá những bàn thờ, đập bể những pho tượng, đánh hạ các thần A-sê-ra và đốt những hình chạm của chúng nó. Vì người là một dân thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời người; Ngài đã chọn người trong muôn dân trên mặt đất, đặt làm một dân thuộc riêng về Ngài.

Phục truyền luật lệ ký 17:14-20: Khi người đã vào xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho, được nhận lấy và ở tại xứ đó rồi, nếu người nói: Tôi sẽ lập một vua lên cai trị tôi, như các dân tộc chung quanh, thì khá lập một vua lên cai trị người, mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ chọn; phải lập lên một vua thuộc về anh em người; chớ nên lập một người ngoại bang lên, không phải anh em người. Song vua ấy chẳng nên lo cho có nhiều ngựa, chớ vì muốn thêm nhiều ngựa mà dẫn dân sự trở lại xứ Ê-díp-tô; bởi Đức Giê-hô-va đã phán cùng các người rằng: Các người sẽ chẳng trở về đường đó nữa. Vua cũng không nên kén nhiều phi tần, e lòng người trở xấu xa; lại chẳng nên thu góp nhiều bạc vàng. Vừa khi tức vị, vua phải chiếu theo luật pháp này mà những thầy tế lễ về dòng Lê-vi giữ, chép một bản cho mình. Bản ấy phải ở bên vua trọn đời, vua phải đọc ở trong, để tập biết kính sợ Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, cẩn thận làm theo các lời của luật pháp này, và hết thảy điều răn này, kéo lòng vua lướt trên anh em mình, xây về bên hữu hay bên tả, lìa bỏ điều răn này, hầu cho vua và con cháu vua được trị vì lâu ngày giữa Y-sơ-ra-ên.

Trên đây là một số mạng lệnh của Đức Giê-hô-va phán trước khi dân Y-sơ-ra-ên vào nhận lấy xứ Ca-

na-an làm cơ nghiệp, nhưng vua Sa-lô-môn đã không vâng giữ các mạng lệnh này, vậy nên những sự cảnh báo trước về sự phạm tội đã ứng nghiệm vào lúc cuối đời của vua Sa-lô-môn.

1 Các vua 11:1-43: Ngoài con gái của Pha-ra-ôn, vua Sa-lô-môn lại còn thương mến nhiều người nữ của dân ngoại: tức là người Ê-đôm, Si-đôn, và Hê-tít. Chúng nó thuộc về các dân tộc mà Đức Giê-hô-va có phán với dân Y-sơ-ra-ên rằng: Các người và chúng nó chớ giao thông với nhau; vì chúng nó hẳn sẽ quyến dụ lòng các người hướng theo các thần chúng nó. Sa-lô-môn triu mến những người nữ ấy. Người có bảy trăm hoàng hậu, và ba trăm cung nữ; chúng nó bèn làm cho người trở lòng. Trong buổi già yếu, các hoàng hậu của Sa-lô-môn dụ lòng người đi theo các thần khác: Đối cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình, lòng người chẳng trọn lành như thể lòng của Đa-vít, là cha người. Vì Sa-lô-môn cúng thờ Át-tạt-tê, nữ thần của dân Si-đôn, và thần Minh-côm, là thần đáng gớm ghiếc của dân Am-môn. Như vậy, Sa-lô-môn làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va, chẳng vâng theo Đức Giê-hô-va cách trọn lành như Đa-vít, cha người, đã làm. Bấy giờ, Sa-lô-môn lại xây cất tại trên núi đối ngang Giê-ru-sa-lem, một nơi cao cho Kê-móc, vật đáng gớm ghiếc của dân Mô-áp, và cho Mo-lóc, vật đáng gớm ghiếc của dân Am-môn. Vua cũng làm như vậy cho hết thảy các hoàng hậu ngoại của mình, xông hương và tế lễ cho thần của chúng nó. Đức Giê-hô-va nổi giận cùng Sa-lô-môn, bởi vì lòng người trở bỏ Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, là Đấng đã hai lần hiện đến cùng người, phán bảo người rằng chớ theo các thần khác; nhưng người không vâng theo lệnh của Đức Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va phán với Sa-lô-môn rằng: Bởi vì người đã làm điều này, không giữ giao ước và luật pháp ta truyền cho người, nên ta chắc sẽ đoạt lấy nước khỏi người, cho kẻ tôi tớ người. Song vì cơ Đa-vít, cha người, ta sẽ chẳng làm điều đó trong đời người. Ta sẽ đoạt lấy nước khỏi tay con trai người. Lại ta chẳng đoạt lấy cả nước khỏi nó; song vì cơ Đa-vít, đây tớ ta và vì cơ Giê-ru-sa-lem mà ta đã chọn, ta sẽ để lại một chi phái cho con trai người. Vậy, Đức Giê-hô-va khiến dấy lên một kẻ thù nghịch cùng Sa-lô-môn, là Ha-đát, người Ê-đôm vốn dòng dõi vua Ê-đôm. Vả, trong lúc Đa-vít đánh dẹp Ê-đôm, thì Giô-áp là tổng binh, đi lên chôn các kẻ thác, và giết hết thảy người nam trong Ê-đôm. Giô-áp và cả Y-sơ-ra-ên ở lại đó sáu tháng, cho đến khi người đã giết hết thảy người nam trong Ê-đôm. Lúc bấy giờ, Ha-đát chạy trốn cùng mấy người Ê-đôm, là tôi tớ của cha người, dừng đến ở Ê-díp-tô; Ha-đát hãy còn thơ ấu. Chúng đi từ Ma-đi-an đến Pha-ran; đoạn bắt mấy người Pha-ran theo mình mà đi đến Ê-díp-tô, ra mắt Pha-ra-ôn, vua xứ Ê-díp-tô. Vua cấp cho Ha-đát nhà ở, lương thực và đất ruộng. Ha-đát được ớn nhiều trước mặt Pha-ra-ôn; vua bèn gả em vợ mình cho người, tức là em của hoàng hậu Tác-bê-ne. Em của Tác-bê-ne sanh cho Ha-đát một con trai tên là Ghê-nu-bát; Tác-bê-ne dứt sữa nó tại trong đền Pha-ra-ôn. Như vậy, Ghê-nu-bát ở tại trong đền Pha-ra-ôn, giữa các con trai của vua. Khi Ha-đát ở Ê-díp-tô hay rằng Đa-vít đã an giấc cùng các tổ tiên người, và Giô-áp, quan tổng binh, đã thác, thì người tâu cùng Pha-ra-ôn rằng: Xin hãy để cho tôi đi trở về trong xứ tôi. Pha-ra-ôn đáp với người rằng: Người ở nơi ta có thiếu gì sao, nên ao ước trở về trong xứ mình như vậy? Người thưa rằng: Chẳng thiếu chi. Dầu vậy, xin cho tôi đi. Đức Chúa Trời lại khiến dấy lên một kẻ thù nghịch khác, là Rê-xôn, con trai Ê-li-gia-đa, đã chạy trốn khỏi chúa mình là Ha-đa-đê-xe, vua Xô-ba. Khi Đa-vít giết quân vua Xô-ba, thì người ấy nhóm người ta chung quanh mình, và làm đầu bọn đó, đi đến thành Đa-mách, bèn ở tại đó, và quản trị thành ấy. Rê-xôn làm kẻ thù địch cùng Y-sơ-ra-ên trọn đời Sa-lô-môn, ngoài ra sự hại mà Ha-đát đã làm; người cai trị nước Sy-ri, và ghen ghét Y-sơ-ra-ên. Giê-rô-bô-am, con trai của Nê-bát, người Ép-ra-im, ở đất Xê-rê-đa, là tôi tớ của Sa-lô-môn, cũng dấy nghịch với người. Mẹ người góa bụa, tên là Xê-ru-ha. Đây là duyên cớ mà người phản nghịch với vua: Sa-lô-môn xây cất Mi-lô, lấp vá lại nơi hư lũng của thành Đa-vít, là cha người. Vả, Giê-rô-bô-am là một người mạnh dạn và tài năng; Sa-lô-môn thấy người tuổi trẻ có tài nghệ, bèn đặt người làm đầu xâu cho cả nhà Giô-sép. Xảy trong lúc đó, Giê-rô-bô-am ở Giê-ru-sa-lem đi ra, gặp tiên tri A-hi-gia ở Si-lô tại giữa đường, mặc cái áo tơ mới. Chỉ có hai người ở ngoài đồng mà thôi. A-hi-gia bèn nắm áo mới người mặc trong mình mà xé ra làm mười hai miếng. Đoạn, người nói với Giê-rô-bô-am rằng: Hãy lấy mười miếng về phần người, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên có phán như vậy: Kia, ta sẽ đoạt lấy nước khỏi tay Sa-lô-môn và trao cho người mười chi phái của nước ấy. Nhưng vì cơ Đa-vít, kẻ tôi tớ ta, và vì cơ Giê-ru-sa-lem, thành ta đã chọn giữa các chi phái Y-sơ-ra-ên, nên sẽ có một chi phái cứ ở trung tín cùng người. Ấy, bởi vì chúng nó đã từ bỏ ta, đi thờ lạy Át-tạt-tê, nữ thần của dân Si-đôn, Kê-mốt, thần xứ

Mô-áp, và Minh-côm, thần của dân Am-môn. Chúng nó không đi theo các đường lối ta, đừng làm điều ngay thẳng tại trước mặt ta, và cũng chẳng giữ luật lệ và điều răn ta, y như Đa-vít, cha của Sa-lô-môn, đã làm. Nhưng ta sẽ chẳng cất lấy cả nước khỏi tay Sa-lô-môn; song vì Đa-vít, kẻ tôi tớ ta, ta đã chọn, ta sẽ lập người làm vua trọn đời người sống, bởi vì Đa-vít đã giữ các điều răn và luật lệ ta. Nhưng ta sẽ đoạt lấy nước khỏi tay con trai người, mà trao cho người mười chi phái. Ta sẽ để lại một chi phái cho con trai người, để cho tại Giê-ru-sa-lem, thành ta đã chọn đặt đặt danh ta ở đó, Đa-vít, kẻ tôi tớ ta, hằng có một ngọn đèn trước mặt ta luôn luôn. Vậy, ta sẽ chọn người và lập làm vua Y-sơ-ra-ên; người sẽ cai trị theo ý muốn lòng người. Và, nếu người vâng theo lệnh ta, đi trong các đường lối ta, làm điều thiện trước mặt ta, giữ gìn luật lệ và điều răn ta, y như Đa-vít, tôi tớ ta, đã làm, thì ta sẽ ở cùng người, lập cho người một nhà vững chắc, y như ta đã lập cho Đa-vít, và ta sẽ ban Y-sơ-ra-ên cho người. Như vậy, ta sẽ làm sỷ nhục dòng dõi Đa-vít, nhưng chẳng phải đời đời. Sa-lô-môn tìm thế giết Giê-rô-bô-am; nhưng Giê-rô-bô-am chạy trốn qua Ê-díp-tô, đến cùng Si-sắc, vua Ê-díp-tô; rồi người ở tại Ê-díp-tô cho đến chừng Sa-lô-môn băng hà. Còn các điều khác về chuyện Sa-lô-môn, mọi việc người, sự khôn ngoan của người, thấy đều đã chép trong sách hành trạng của Sa-lô-môn. Sa-lô-môn ở Giê-ru-sa-lem cai trị trên cả Y-sơ-ra-ên trong bốn mươi năm. Đoạn, Sa-lô-môn an giấc cùng các tổ phụ người, và được chôn trong thành Đa-vít, cha người. Rô-bô-am, con trai người, cai trị thế cho người.

Sau khi Sa-lô-môn qua đời, con trai người là Rô-bô-am lên làm vua Y-sơ-ra-ên, nhưng Rô-bô-am làm điều ác ở trước mặt Đức Giê-Hô-Va và vì cơ tội lỗi của Rô-bô-am mà Y-sơ-ra-ên chia làm hai, mười chi phái của Y-sơ-ra-ên lìa khỏi Rô-bô-am, chỉ còn chi phái Giu-đa và Bên-gia-min là ở lại với Rô-bô-am và được gọi là nhà Giu-đa. Biên giới của hai nhà Y-sơ-ra-ên và Giu-đa chính là địa giới giữa hai chi phái Bên-gia-min và chi phái Ma-na-se căn cứ theo sự mà Giô-suê đã chia xứ cho họ khi vào chiếm xứ Ca-na-an.

Thủ đô của nhà Giu-đa là thành Giê-ru-sa-lem, còn thủ đô của nhà Y-sơ-ra-ên ban đầu là Si-chem. Nhưng sau này, Ôm-ri lên làm vua thứ 6 của nhà Y-sơ-ra-ên thì người có mua hòn núi tên là Sa-ma-ri và người xây thành trên đó và làm kinh đô của nhà Y-sơ-ra-ên. Tới đời A-háp, con trai của Ôm-ri, vợ của A-háp là Giê-sa-bên đã biến nơi này thành nơi thờ lạy thần tượng Ba-anh, vật đáng gớm ghiếc ở trước mặt Đức Giê-Hô-Va và bởi tội ác đó mà người ta khinh bỉ nhà Y-sơ-ra-ên và gọi họ là dân Sa-ma-ri.

1 Các vua 16:23-24: Năm thứ ba mươi mốt đời A-sa, vua Giu-đa, thì Ôm-ri lên ngôi làm vua Y-sơ-ra-ên, và cai trị mười hai năm. Người trị vì sáu năm tại Tiệt-sa. Đoạn, người mua hòn núi Sa-ma-ri của Sê-me, giá là hai ta lạng bạc. Trên núi ấy, người cất một cái thành lấy tên Sê-me, là tên chủ núi Sa-ma-ri mà đặt tên cho thành.

Hết thấy những người Giu-đa và những người Y-sơ-ra-ên đều là nạn nhân của những người nắm quyền làm vua nhưng lại ăn ở gian ác khiến cho sự rửa sả của luật pháp giáng trên họ và trên đất đai của họ.

Đức Chúa Trời là Đấng thành tín và công bình đã lập giao ước với Áp-ra-ham, tổ phụ của dân Y-sơ-ra-ên rằng: **Người hãy ra khỏi quê hương, vòng bà con và nhà cha người, mà đi đến xứ ta sẽ chỉ cho. Ta sẽ làm cho người nên một dân lớn; ta sẽ ban phước cho người, cùng làm nổi danh người, và người sẽ thành một nguồn phước. Ta sẽ ban phước cho người nào chúc phước người, rửa sả kẻ nào rửa sả người; và các chi tộc nơi thế gian sẽ nhờ người mà được phước.** (Sáng thế ký 12:1-3)

Mặc dù dân Y-sơ-ra-ên không thành tín với Đức Giê-Hô-Va, nhưng không phải vì dân Y-sơ-ra-ên không thành tín mà Đức Giê-Hô-Va không giữ sự thành tín của Ngài đối với họ, vì Đức Giê-Hô-Va là Đấng thành tín nên Ngài vẫn giữ sự thành tín của Ngài và làm trọn giao ước mà Ngài đã lập với Áp-ra-ham.

Dân Giu-đa vẫn trung tín với vua mình và giữ thành Giê-ru-sa-lem, là nơi có đền thờ của Đức Giê-Hô-Va, ấy không phải là những người Giu-đa trung thành với các vua cai trị mình, nhưng họ muốn được thờ phượng Đức Giê-Hô-Va, còn về phần sai phạm của các vua thì đã có Giê-Hô-Va Đức Chúa Trời phán xét những người đó.

Đức Chúa Jêsus sai các môn đồ của Ngài đi không phải là để rao giảng Tin-Lành của Nước Đức Chúa Trời, vì Nước Đức Chúa Trời chưa được ban cho loài người trên đất này, vì khi đó, Đức Chúa Jêsus chưa hoàn thành giá cứu chuộc mà Đức Chúa Cha đã giao phó cho Ngài thi hành, nhưng các môn đồ được sai đi đến những con chiên lạc của nhà Y-sơ-ra-ên, tức là đến với những người Y-sơ-ra-ên (*không phải là những người Sa-ma-ri*) nhưng là những người có lòng trông đợi sự giải cứu của Đức Giê-Hô-Va, mà chính những

người đó dù là chi phái nào trong Y-sơ-ra-ên thì cũng là người Y-sơ-ra-ên.

Ranh giới mà các môn đồ của Chúa Jêsus được tới đó là thuộc về địa phận của chi phái Bên-gia-min và Giu-đa, tức là từ phía Bắc của biển Chết chạy ngang về phía Tây qua Ki-ri-át, Ghê-xe. Tức là phía Nam của thành Giê-ri-cô và Ghinh-ganh, vì hai thành Giê-ri-cô và Ghinh-ganh kéo lên phía Bắc là địa phận của dân Sa-ma-ri.

Các môn đồ của Chúa Jêsus được sai đến tất cả mọi nhà của dân Y-sơ-ra-ên mà chính xác là những người thuộc về chi phái Giu-đa và Bên-gia-min để truyền bảo người ta về việc Nước Đức Chúa Trời đã đến gần. Các môn đồ của Chúa Jêsus biết rõ ai là người Hê-bơ-rơ và ai là dân ngoại, vì qua ngôn ngữ và tập quán mà họ nhận biết được.

Ma-thi-ơ 10:5-6: Ấy đó là mười hai sứ đồ Đức Chúa Jêsus sai đi, và có truyền rằng: **Đừng đi đến dân ngoại, cũng đừng vào một thành nào của dân Sa-ma-ri cả; song thà đi đến cùng những con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên. Khi đi đường, hãy rao giảng rằng: Nước thiên đàng gần rồi.**

Bản Kinh-Thánh King James version chép: These^{G5128} twelve^{G1427} Jesus^{G2424} sent^{G649} forth^{G649}, and commanded^{G3853} them, saying^{G3004}, Go^{G565} not into^{G1519} the way^{G3598} of the Gentiles^{G1484}, and into^{G1519} any city^{G4172} of the Samaritans^{G4541} enter^{G1525} ye not: But go^{G4198} rather^{G3123} to the lost^{G622} sheep^{G4263} of the house^{G3624} of Israel^{G2474}. ⁷ And as ye go^{G4198}, preach^{G2784}, saying, The kingdom^{G932} of heaven^{G3772} is at^{G1448} hand^{G1448}.

Chữ **nhà Y-sơ-ra-ên** trong câu 6 trên đó không nói về cách gọi của người ta về hai nhà Giu-đa và Y-sơ-ra-ên, nhưng nói về các nhà, các gia đình của người Y-sơ-ra-ên (*không phải là dân Sa-ma-ri*).

Ai là những con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên ?

Giê-rê-mi 50:1-7: Nầy là Lời Đức Giê-hô-va bởi tiên tri Giê-rê-mi phán về Ba-by-lôn, về đất của người Canh-đê: **Hãy rao, hãy bảo cho các nước, và dựng cờ xí; hãy rao truyền đi, đừng có giấu! Hãy nói rằng: Ba-by-lôn bị bắt lấy; Bên đầy hổ thẹn; Mê-rô-đác bị kinh hãi; hình tượng nó mang xấu hổ, thần tượng nó bị phá đổ! Vì một dân đến từ phương bắc nghịch cùng nó, làm cho đất nó ra hoang vu, không có dân ở nữa; người và súc vật đều trốn tránh, và đi mất. Đức Giê-hô-va phán: Trong những ngày đó, trong kỳ đó, con cái Y-sơ-ra-ên và con cái Giu-đa cùng nhau trở lại, vừa đi vừa khóc, tìm kiếm Giê-hô-va Đức Chúa Trời mình. Chúng nó hướng mặt về Si-ôn, hỏi thăm về nó mà rằng: Hãy đến, liên kết với Đức Giê-hô-va bởi một giao ước đời đời sẽ không quên! Dân ta vốn là một bầy chiên lạc mất; những kẻ chăn làm cho lộn đường, để chúng nó lầm lạc trên các núi, đi từ núi qua gò, quên chỗ mình an nghỉ. Phàm những kẻ gặp, đều vồ nuốt chúng nó; và những kẻ nghịch chúng nó đều nói rằng: Chúng ta không đáng tội, vì chúng nó đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va, là nơi ở của sự công bình, tức là Đức Giê-hô-va, sự trông cậy của tổ phụ chúng nó.**

Những người đã được gọi là tuyển dân của Đức Chúa Trời, là những người đã nhận được giá cứu chuộc của Đức Giê-hô-va, được cứu ra khỏi xứ Ê-díp-tô và được trở nên dân của Đức Chúa Trời, được chăn giữ bởi những người được chọn làm chức thầy tế lễ trong các chi phái của dân Y-sơ-ra-ên và được gọi là chiên của Đức Chúa Trời. Nhưng những người giữ chức thầy tế lễ trong dân Y-sơ-ra-ên đã không trung tín với Đức Giê-hô-va và những sự giảng dạy của những người đó đã khiến cho luật pháp của Đức Chúa Trời ra sự nói dối, vậy nên tuyển dân của Đức Chúa Trời đã không nhận được sự dắt dẫn bởi luật pháp công bình của Đức Giê-hô-va.

Giê-rê-mi 8:8-15: Sao các người nói được rằng: **Chúng ta là khôn sáng, có luật pháp Đức Giê-hô-va ở với chúng ta? Nhưng, nầy, ngọn bút giả dối của bọn thông giáo đã làm cho luật pháp ấy ra sự nói dối! Những kẻ khôn sáng bị xấu hổ, sợ hãi, và bị bắt. Chúng nó đã bỏ lời của Đức Giê-hô-va; thì sự khôn ngoan nó là thể nào? Vậy nên, ta sẽ ban vợ chúng nó cho kẻ khác, ruộng chúng nó cho chủ mới; vì từ kẻ rất nhỏ cho đến người rất lớn, ai nấy đều tham lam; từ tiên tri cho đến thầy tế lễ, ai nấy đều làm sự gian dối. Chúng nó rít vết thương cho con gái dân ta cách sơ sài, nói rằng: Bình an, bình an! mà không bình an chi hết. Chúng nó làm ra sự gớm ghiếc, há lấy làm xấu hổ ư? đã chẳng xấu hổ chút nào, lại cũng không thẹn đỏ mặt. Vậy nên chúng nó sẽ ngã với những người vấp ngã. Đến ngày thăm phạt, chúng nó sẽ bị lật đổ, Đức Giê-hô-va phán vậy. Đức Giê-hô-va phán: Thật, ta sẽ diệt hết chúng nó. Chẳng còn trái nho trên cây nho; chẳng còn trái vả trên cây vả; lá sẽ khô rụng; những điều ta**

đã ban cho, sẽ bị cất lấy! Sao chúng ta cứ ngồi yên? Hãy nhóm lại và vào các thành bền vững, và nín lặng tại đó! Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta đã khiến chúng ta nín lặng, Ngài cho chúng ta uống mật đắng, vì chúng ta đã phạm tội nghịch cùng Đức Giê-hô-va. Chúng ta trông sự bình an, nhưng chẳng có sự tốt gì đến; trông kỳ chữa lành, mà sự sợ hãi đây này!

Khi những con chiên không kiếm được cỏ xanh, không được uống nước trong, thì những chiên đó sẽ tự tìm lấy lương thực cho mình, có thể đó là những cỏ úa, cỏ dại, nước đục, không có chất dinh dưỡng nuôi mình, thì chúng sẽ yếu, sẽ bệnh, nghĩa là những người thuộc về tuyển dân của Chúa mà không có luật pháp của Đức Chúa Trời soi dẫn thì họ sẽ sống theo ý riêng mình, sa vào các bẫy của ma quỷ và phạm tội, bị rửa sả, mang bệnh tật, bị tai họa và vì là tội nhân nên những lời cầu nguyện của họ không thể đến tai Chúa và họ không được giải cứu.

Những người mang danh thầy tế lễ là những người có quyền hợp pháp để cầu thay cho tuyển dân của Đức Chúa Trời, nhưng những người đó cũng lại bị chính những tội lỗi của mình trói buộc, nên họ không thể tự cầu xin cho chính mình, thì làm thế nào những nhu cầu của dân Y-sơ-ra-ên có thể chuyển tới được ngôi của Đức Giê-hô-va để xin Ngài giải cứu?

Ê-sai 59:1-21: **Này, tay Đức Giê-hô-va chẳng trở nên ngắn mà không cứu được; tai Ngài cũng chẳng nặng nề mà không nghe được đâu. Nhưng ấy là sự gian ác các người làm xa cách mình với Đức Chúa Trời; và tội lỗi các người đã che khuất mặt Ngài khỏi các người, đến nỗi Ngài không nghe các người nữa. Vì tay các người đã ô uế bởi máu, ngón tay các người đã ô uế bởi tội ác; môi các người nói dối, lưỡi các người làm bầm sự xấu xa. Trong các người chẳng có ai lấy lễ công bình mà kêu rêu; chẳng có ai lấy điều chân thật mà đối nại. Hết thấy đều cậy sự hư không, nói lời dối trá, mưu mang điều ác và dể ra tội trọng. Họ ấp trứng hổ mang và dẹt màng nhện; ai ăn những trứng đó sẽ chết và nếu một cái trứng giập ra, sẽ nở thành rắn lục. Những màng họ không dùng làm áo được, không thể mặc được hàng họ đã dẹt ra; công việc họ là công việc đáng tội, tay họ làm những việc hung tàn. Chân họ chạy đến điều ác, nôn nả làm đổ máu vô tội; tư tưởng họ là tư tưởng gian tà, sự phá hại diệt vong là ở trên đường lối họ. Họ không biết đường bình an, trong đường họ đi không có sự công nghĩa. Họ tự làm những lối quanh queo: ai đi trong đó thì chẳng biết sự bình an! Vậy nên sự công bình đã cách xa chúng ta, sự nhân nghĩa cũng không theo kịp chúng ta. Chúng ta trông mong sự sáng, mà sự tối tăm đây này, trông mong sự sáng láng, mà đi trong u ám. Chúng ta đi dọc theo tường như người mù; rờ rẫm như người không có mắt; đứng trửa mà vấp chân như chàng vạng; giữa những kẻ mạnh mẽ mà mình như người chết. Chúng ta cứ rên siết như con gấu, và rầm rì như chim bồ câu; trông sự công bình, mà nó không đến, đợi sự cứu rỗi, mà nó cách xa! Phải, sự phạm phép chúng tôi đã thêm nhiều trước mặt Ngài, tội lỗi chúng tôi làm chứng nghịch cùng chúng tôi. Vì sự phạm phép chúng tôi ở cùng chúng tôi, và chúng tôi biết sự gian ác mình. Chúng tôi đã bặt nghịch, chối Đức Giê-hô-va, và trở lòng chẳng theo Đức Chúa Trời mình. Chúng tôi nói sự bạo ngược và phản loạn, mưu mang những lời giả dối trong lòng và nói ra! Cho nên sự công bình trở lui lại, sự nhân nghĩa đứng xa; vì lẽ thật vấp ngã giữa đường phố, và sự ngay thẳng chẳng được vào. Lẽ thật đã không còn, ai lánh điều dữ thì phải cướp bắt. Đức Giê-hô-va thấy không có sự công bình thì chẳng đẹp lòng, thấy không có người, chẳng ai cầu thay, thì lấy làm lạ lùng. Ngài bèn dùng chính cánh tay mình đem sự cứu rỗi đến; lấy sự công bình mình mà nâng đỡ. Ngài mặc sự công bình làm giáp, đội sự cứu rỗi trên đầu làm mũ trụ; lấy sự báo thù làm áo mà bận, lấy sự sốt sắng làm áo tơi mà choàng mình. Ngài báo trả cho người ta tùy việc họ làm: sự thanh nộ cho kẻ đối địch Ngài, sự báo oán cho kẻ thù nghịch; Ngài sẽ báo trả các cù lao. Người ta sẽ kính sợ danh Đức Giê-hô-va từ phương tây, và sự vinh hiển Ngài từ phương mặt trời mọc lên; vì Ngài sẽ đến như sông tràn đầy bởi hơi Đức Giê-hô-va thổi giục (*Nguyên bản chép: When the enemy shall come in like a flood, the Spirit of the LORD shall lift up a standard against him. Nghĩa là: Khi kẻ thù nghịch kéo đến như nước lũ, Thần của Đức Giê-hô-va sẽ giương cao ngọn cờ [tôn cao tiêu chuẩn] đánh đuổi nó*). Đấng Cứu chuộc sẽ đến Si-ôn, đến cùng những kẻ thuộc về Gia-cốp, là kẻ bỏ tội lỗi, Đức Giê-hô-va phán vậy. Đức Giê-hô-va phán: Về phần ta, này là giao ước ta đã lập với họ. Thần ta ở trên người, cả đến những lời ta đã đặt nơi miệng người, sẽ chẳng lìa khỏi miệng người, miệng dòng dõi người, và miệng dòng dõi của dòng dõi người, từ bây giờ cho đến đời đời! Đức Giê-hô-va phán vậy.**

Đây là lời tiên tri mà Đức Giê-hô-va đã phán về việc Ngài sẽ đưa Con một Ngài, là Đức Chúa Jêsus

Christ, là **chính cánh tay Ngài đem sự cứu rỗi đến** thế gian này để thi hành sự cứu rỗi cho dân Ngài.

Nhiệm vụ của các môn đồ của Đức Chúa Jê-sus là đến gõ cửa những nhà của dân Y-sơ-ra-ên và gọi họ hãy tỉnh thức vì Nước Thiên đàng đã đến gần, nghĩa là sự giải cứu đã hầu gần. Bằng chứng của Nước Thiên đàng đã đến gần những người có lòng trông đợi sự giải cứu của Đức Giê-hô-Va đó là quyền phép của Đức Chúa Trời được thi hành qua các môn đồ được Chúa Jê-sus sai đi.

Ma-thi-ơ 10:8: Hãy chữa lành kẻ đau, khiến sống kẻ chết, làm sạch kẻ phung, và trừ các quỷ. Các người đã được lãnh không thì hãy cho không.

Chúng ta hãy cũng tham khảo các Lời này qua sách Lu-ca.

Lu-ca 9:1-6: Đức Chúa Jê-sus nhóm họp mười hai sứ đồ, ban quyền năng phép tắc để trị quỷ chữa bệnh. Rồi Ngài sai đi rao giảng về nước Đức Chúa Trời cùng chữa lành kẻ có bệnh. Ngài dạy rằng: Đi đường chớ đem gì theo hết, hoặc gậy, hoặc bao, hoặc bánh, hoặc tiền bạc; cũng đừng đem hai áo. Hễ các người vào nhà nào, hãy ở đó cho đến khi đi. Còn ai không tiếp rước các người, hãy ra khỏi thành họ, và phủ bụi chân mình để làm chứng nghịch cùng họ. Vậy, các sứ đồ ra đi, từ làng nầy tới làng kia, rao giảng Tin Lành khắp nơi và chữa lành người có bệnh.

Đức Chúa Jê-sus đã dạy các môn đồ của Ngài biết cách thi hành chức vụ này và Ngài đã phán rằng: **Các người đã được lãnh không thì hãy cho không.** Đây là một mạng lệnh mang tính nhắc nhở và cảnh cáo những người hầu việc Ngài, vì quyền lực của ma quỷ luôn tận dụng cơ hội để kích động sự kiêu ngạo của xác thịt người ta như chúng vẫn thường làm cho những người có quyền thế trong thế gian này vậy.

Chúng ta có thể thấy điều này qua sự dạy dỗ của Chúa Jê-sus với các môn đồ của Ngài.

Ma-thi-ơ 20:25-28: Nhưng Đức Chúa Jê-sus gọi đến mà phán rằng: Các người biết rằng các vua dân ngoại thì ép dân phải phục mình, còn các quan lớn thì lấy quyền thế mà trị dân. Trong các người thì không như vậy; trái lại, trong các người, kẻ nào muốn làm lớn, thì sẽ làm đầy tớ các người; còn kẻ nào muốn làm đầu, thì sẽ làm tôi mọi các người. Ấy vậy, Con người đã đến, không phải để người ta hầu việc mình, song để mình hầu việc người ta, và phó sự sống mình làm giá chuộc nhiều người.

Lu-ca 17:9-10: Đầy tớ vâng lệnh mà làm, thì chủ có biết ơn gì nó chẳng? Các người cũng vậy, khi làm xong việc truyền phải làm, thì hãy nói rằng: Chúng tôi là đầy tớ vô ích; điều chúng tôi đã làm là điều chắc phải làm.

Quyền phép mà các môn đồ của Chúa Jê-sus đã nhận được đó là đến từ Đức Chúa Cha và qua Đức Chúa Jê-sus mà họ đã nhận được đó là để thi hành sự giải cứu của Đức Chúa Trời cho tuyển dân của Ngài và quyền phép đó chính là bằng chứng về Nước Thiên đàng đã đến gần họ, bởi vì dân Y-sơ-ra-ên biết trong quá khứ, Đức Giê-hô-Va đã ban cho tiên tri Ê-li và Ê-li-sê có được quyền phép chữa lành người ta và khiến kẻ chết được sống lại, nhưng việc trừ ma quỷ thì họ chưa từng thấy, vậy nên quyền phép đó sẽ là một bằng chứng giúp cho những người có lòng trông cậy sự giải cứu của Đức Giê-hô-Va nhận biết rằng, Chúa đã đoái thương dân Ngài.

Trách nhiệm của các môn đồ là làm chứng về sự hiện diện của Đấng Christ, là dấu hiệu của sự Giao-ước mà dân Y-sơ-ra-ên đã và đang trông đợi như Lời của Đức Giê-hô-Va phán qua tiên tri Ma-la-chi.

Ma-la-chi 3:1: Nầy, ta sai sứ giả ta, người sẽ dọn đường trước mặt ta; và Chúa mà các người tìm kiếm sẽ thành linh vào trong đền thờ Ngài, tức là thiên sứ của sự giao ước mà các người trông mong. Nầy, Ngài đến, Đức Giê-hô-va vạn quân phán vậy.

Tại sao Đức Chúa Jê-sus lại hạn chế các môn đồ của Ngài ở trong địa phận của người Giu-đa mà không được đến với những người Sa-ma-ri và dân ngoại ?

Đức Chúa Jê-sus đã mạng lệnh cho các môn đồ của Ngài không được vào các thành của người Sa-ma-ri và cũng không được đi đến dân ngoại ấy không phải là những người đó hay các dân đó không xứng đáng được cứu rỗi, nhưng điều này chính là sự làm theo mạng lệnh của Đức Chúa Cha, để làm chứng về giao ước mà Đức Chúa Trời đã phán với dân Y-sơ-ra-ên qua các tiên tri của Ngài về sự đến của Đấng Christ - Con một Đức Chúa Trời.

Điều quan trọng nhất là các lời tiên tri đó phải được ứng nghiệm chính xác như Đức Giê-hô-Va đã phán vì các sách tiên tri đã được chép xuống và khi có sự kiện xảy ra, người ta sẽ mở các sách đó mà tra xét. Nếu các môn đồ của Đức Chúa Jê-sus đi khắp các dân, các thành để truyền giáo, thì lời tiên tri về Đấng Christ đến với dân Giu-đa sẽ không đúng như Kinh-Thánh đã chép.

Ê-sai 9:1-9: Dân đi trong nơi tối tăm đã thấy sự sáng lớn; và sự sáng đã chiếu trên những kẻ ở xứ thuộc về bóng của sự chết. Chúa đã làm cho dân này thêm nhiều; và thêm sự vui cho họ. Mọi người đều vui mừng trước mặt Chúa, như vui mừng trong ngày mùa gặt, như người ta reo vui trong lúc chia của cướp. Vì Chúa đã bẻ cái ách họ mang, cái roi đánh trên vai họ, cái gậy của kẻ hà hiếp, như trong ngày của Ma-di-an. Cả giày dép của kẻ đánh giặc trong khi giao chiến, cùng cả áo xông vậy máu, đều dùng để đốt và làm đồ chum lửa. Vì có một con trẻ sanh cho chúng ta, tức là một con trai ban cho chúng ta; quyền cai trị sẽ nẩy trên vai Ngài. Ngài sẽ được xưng là Đấng Lạ lùng, là Đấng Mưu luận, là Đức Chúa Trời Quyền năng, là Cha Đời đời, là Chúa Bình an. Quyền cai trị và sự bình an của Ngài cứ thêm mãi không thôi, ở trên ngai Đa-vít và trên nước Ngài, đặt làm cho nước bền vững, và lập lên trong sự chánh trực công bình, từ nay cho đến đời đời. Thật, lòng sốt sắng của Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ làm nên sự ấy! Chúa đã giáng một Lời trong Gia-cốp, và Lời ấy đổ xuống trên Y-sơ-ra-ên. Cả dân sẽ biết điều đó, tức là Êp-ra-im cùng dân cư Sa-ma-ri, họ đem lòng kiêu căng ỷ thị mà nói rằng: Gạch đã đổ, nhưng chúng ta sẽ xây bằng đá đẽo; cây sung đã bị đốn, nhưng chúng ta sẽ thay bằng cây hương bách.

Quyền phép của Đức Chúa Jêsus Christ được tỏ ra qua các môn đồ của Ngài và cứ hai người môn đồ sẽ đi với nhau thành một cặp và như vậy, họ có tới sáu cặp đôi đi làm chứng về Nước Thiên đàng cho dân Y-sơ-ra-ên trong xứ Giu-đê này và công việc đó sẽ đánh động tất cả các sắc dân chung quanh xứ Giu-đê, trong đó có chi phái Êp-ra-im và dân Sa-ma-ri, là dân đã từng nói kiêu ngạo về sự tự giải cứu mình, như lời của đấng tiên tri Ê-sai đã nói về họ.

Hết thấy những người giữ chức thầy tế lễ trong dân Y-sơ-ra-ên đều biết lời tiên tri về Đấng Christ được sanh ra từ chi phái Giu-đa về dòng vua Đa-vít, và được sanh tại thành Bết-lê-hem xứ Giu-đê và như vậy, nếu Ngài là người Giu-đa thì chắc hẳn Ngài sẽ biết rõ những người Sa-ma-ri là ai, vì thế cho nên các môn đồ của Đức Chúa Jêsus vào thời điểm này là không được phép vào các thành của người Sa-ma-ri, ấy là để làm chứng cho Lời của Đức Giê-hô-va đã phán qua tiên tri Ê-sai được ứng nghiệm.

Chính Đức Chúa Jêsus cũng đã làm chứng về điều này cho một người đàn bà Sa-ma-ri về một thời kỳ sẽ đến, hết thấy người ta sẽ không còn thờ phượng ở trên núi này hay núi kia nữa, nhưng người ta sẽ thờ phượng Đức Chúa Trời bằng tâm thần và bằng lễ thật.

Giăng 4:4-34: Vả, Ngài phải đi ngang qua xứ Sa-ma-ri. Vậy Ngài đến một thành thuộc về xứ Sa-ma-ri, gọi là Si-kha, gần đồng ruộng mà Gia-cốp cho Giô-sép là con mình. Tại đó có cái giếng Gia-cốp. Nhân đi đường mỗi mệt, Đức Chúa Jêsus ngồi gần bên giếng; bấy giờ độ chừng giờ thứ sáu. Một người đàn bà Sa-ma-ri đến múc nước. Đức Chúa Jêsus phán rằng: Hãy cho ta uống. Vì môn đồ Ngài đã đi ra phố vắng mua đồ ăn. Người đàn bà Sa-ma-ri thưa rằng: Ủa kia! ông là người Giu-đa, mà lại xin uống nước cùng tôi, là một người đàn bà Sa-ma-ri sao? (Sở là, dân Giu-đa chẳng hề giao thiệp với dân Sa-ma-ri.) Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Ví bằng người biết sự ban cho của Đức Chúa Trời, và biết người nói: “Hãy cho ta uống” là ai, thì chắc người sẽ xin người cho uống, và người sẽ cho người nước sống. Người đàn bà thưa: Hỡi Chúa, Chúa không có gì mà múc, và giếng thì sâu, vậy bởi đâu có nước sống ấy? Tổ phụ chúng tôi là Gia-cốp để giếng nầy lại cho chúng tôi, chính người uống giếng nầy, cả đến con cháu cùng các bầy vật người nữa, vậy Chúa há lớn hơn Gia-cốp sao? Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Phàm ai uống nước nầy vẫn còn khát mãi; nhưng uống nước ta sẽ cho, thì chẳng hề khát nữa. Nước ta cho sẽ thành một mạch nước trong người đó, văng ra cho đến sự sống đời đời. Người đàn bà thưa: Lạy Chúa, xin cho tôi nước ấy, để cho tôi không khát và không đến đây múc nước nữa. Đức Chúa Jêsus phán rằng: Hãy đi, gọi chồng người, rồi trở lại đây. Người đàn bà thưa rằng: Tôi không có chồng. Đức Chúa Jêsus lại phán: Người nói rằng: Tôi không có chồng, là phải lắm; vì người đã có năm đời chồng, còn người mà người hiện có, chẳng phải là chồng người; điều đó người đã nói thật vậy. Người đàn bà thưa rằng: Lạy Chúa, tôi nhìn thấy Chúa là một đấng tiên tri. Tổ phụ chúng tôi đã thờ lạy trên hòn núi nầy; còn dân Giu-đa lại nói rằng nơi đáng thờ lạy là tại thành Giê-ru-sa-lem. Đức Chúa Jêsus phán rằng: Hỡi người đàn bà, hãy tin ta, giờ đến, khi các người thờ lạy Cha, chẳng tại trên hòn núi nầy, cũng chẳng tại thành Giê-ru-sa-lem. Các người thờ lạy sự các người không biết, chúng ta thờ lạy sự chúng ta biết, vì sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến. Nhưng giờ hầu đến, và đã đến rồi, khi những kẻ thờ phượng thật lấy tâm thần và lễ thật mà thờ phượng Cha: ấy đó là những

kẻ thờ phượng mà Cha ưa thích vậy. Đức Chúa Trời là Thần, nên ai thờ lạy Ngài thì phải lấy tâm thần và lễ thật mà thờ lạy. Người đàn bà thưa: Tôi biết rằng Đấng Mê-si (nghĩa là Đấng Christ) phải đến; khi Ngài đã đến, sẽ rao truyền mọi việc cho chúng ta. Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Ta, người đang nói với người đây, chính là Đấng đó. Khi đó, môn đồ tối, đều sửng sốt về Ngài nói với một người đàn bà; nhưng chẳng ai hỏi rằng: Thầy hỏi người ấy điều chi? hay là: Sao thầy nói với người? Người đàn bà bèn bỏ cái vò của mình lại và vào thành, nói với người tại đó rằng: Hãy đến xem một người đã bảo tôi mọi điều tôi đã làm; ấy chẳng phải là Đấng Christ sao? Chúng bèn từ trong thành ra và đến cùng Đức Chúa Jê-sus. Song le, môn đồ nài nỉ một bên Ngài mà rằng: Thưa thầy, xin hãy ăn. Ngài đáp rằng: Ta có một thứ lương thực để nuôi mình mà các người không biết. Vậy môn đồ nói với nhau rằng: Có ai đã đem chi cho thầy ăn chẳng? Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Đồ ăn của ta tức là làm theo ý muốn của Đấng sai ta đến, và làm trọn công việc Ngài.

Chúa Jê-sus đã phán là sẽ có một kỳ (rất gần, vì đã đến trên đất này và sẽ được tỏ ra cho cả nhân loại) hết thấy những người Giu-đa và những người Sa-ma-ri đều sẽ cùng nhau thờ phượng Đức Chúa Trời theo cách mới của Đức Thánh-Linh, chứ không theo cách cũ của văn tự.

Vào thời kỳ sau rốt này, Đức Thánh-Linh đã sai nhiều tôi tớ được xức dầu đến thăm viếng nhiều nơi được gọi là Hội-thánh của Đức Chúa Jê-sus Christ và các tôi tớ của Ngài sẽ tỏ ra các bằng chứng như các môn đồ đầu tiên của Đức Chúa Jê-sus được sai đi đến các nhà dân Y-sơ-ra-ên vậy, nhưng tại chính những nơi được gọi là Hội-thánh của Đức Chúa Jê-sus Christ đó lại đối xử với những người được Đức Thánh-Linh sai đi đó theo cách của những người Pha-ri-si và các thầy thầy tế lễ thành Giê-ru-sa-lem trong thời người ta chống lại Đức Chúa Jê-sus Christ tại Giê-ru-sa-lem vậy.

Nếu chúng ta làm chứng cho thế gian này, là những người chưa biết Đức Chúa Jê-sus Christ đó, thì việc đầu tiên là những người đó sẽ tìm bằng chứng thuộc về Nước Thiên đàng, tức là quyền phép của Đức Chúa Jê-sus Christ đã từng làm khi Ngài còn đang sống cùng các môn đồ của Ngài, đó là mở mắt kẻ mù, mở tai kẻ điếc, mở miệng kẻ câm, chữa lành kẻ bị bệnh tật... và người ta cũng sẽ nhìn vào những người mang danh là người tin Chúa sống trong các nhà thờ to ở chung quanh họ và nếu họ thấy những người mang danh là người tin Chúa kia có những bệnh tật nan y cũng như họ, cũng buôn bán gian lận như họ, cũng tham gia những công việc vui chơi của thế gian như họ... thì làm thế nào họ có thể tin những sự làm chứng của chúng ta về Nước Thiên đàng là đáng tin cậy?

Đức Thánh-Linh đã làm công việc như Đức Chúa Jê-sus đã làm, đó là Ngài đã thăm viếng hết thấy các nơi gọi là Hội-thánh của Đức Chúa Jê-sus Christ trên trái đất này, nhưng một khi họ đã được nghe tiếng Chúa rồi mà cứ cứng lòng, thì Ngài sẽ lìa khỏi những người đó để ban Tin-Lành cho những người nào có lòng tin mà tiếp nhận Ngài.

Lu-ca 14:16-27: Nhưng Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Có người kia dọn tiệc lớn, mời nhiều người ăn. Khi đến giờ ăn, sai đầy tớ mình đi nói với những kẻ được mời rằng: Hãy đến, mọi sự đã sẵn rồi. Song họ đồng tình xin kiếu hết. Người thứ nhất nói rằng: Tôi có mua một đám ruộng, cần phải đi coi; xin cho tôi kiếu. Kẻ khác rằng: Tôi có mua năm cặp bò, phải đi xem thử; xin cho tôi kiếu. Kẻ khác nữa rằng: Tôi mới cưới vợ, vậy tôi đi không được. Đầy tớ trở về, trình việc đó cho chủ mình. Chủ bèn nổi giận, biểu đầy tớ rằng: Hãy đi mau ra ngoài chợ, và các đường phố, đem những kẻ nghèo khó, tàn tật, dui, què vào đây. Sau lại đầy tớ trình rằng: Thưa chủ, điều chủ dạy, đã làm rồi, mà hãy còn thừa chỗ. Chủ nhà lại biểu rằng: Hãy ra ngoài đường và dọc hàng rào, gặp ai thì ép mời vào, cho được đầy nhà ta. Vì, ta nói cùng các người, trong những kẻ đã mời trước, không có ai được nếm bữa tiệc của ta đâu. Có đoàn dân đông cùng đi với Đức Chúa Jê-sus; Ngài xây lại cùng họ mà phán rằng: Nếu có ai đến theo ta mà không ghét cha mẹ, vợ con, anh em, chị em mình, và chính sự sống mình nữa, thì không được làm môn đồ ta. Còn ai không vác thập tự giá mình mà theo ta, cũng không được làm môn đồ ta.

Hê-bơ-rơ 4:1-16: Vậy, đang khi còn có lời hứa cho vào sự yên nghỉ Chúa, hãy lo sợ, kéo trong chúng ta có ai bị trừ ra chẳng. Vì tin lành này đã rao truyền cho chúng ta cũng như cho họ; những lời họ đã nghe không ích chi hết, vì trong khi nghe, chẳng lấy đức tin nhận lời đó thuộc về mình. Về phần chúng ta là kẻ đã tin, thì vào sự yên nghỉ, như Đức Chúa Trời đã phán rằng: Này là lời thề ta đã lập trong cơn thịnh nộ: Chúng nó sẽ chẳng hề vào sự yên nghỉ ta! Dầu vậy, công việc của Ngài đã xong rồi từ buổi sáng thế. Vì luận về ngày thứ bảy, có chép rằng: Ngày thứ bảy Đức Chúa Trời nghỉ cả các công

việc Ngài. Lại một chỗ khác có chép rằng: Chúng nó sẽ chẳng hề vào sự yên nghỉ ta. Như vậy, vì đã dành cho mấy người phải vào đó, và vì những kẻ nghe tin lành ấy trước nhất đã không vào đó bởi chẳng tin, nên về sau lâu lắm, trong một thư của Đa-vít, Chúa lại định một ngày nữa gọi là “Ngày nay,” như trên kia đã dẫn rằng: Ngày nay nếu các người nghe tiếng Ngài, thì chớ cứng lòng. Vả, nếu Giô-suê đã cho họ yên nghỉ, thì chắc sau không còn nói về một ngày khác nữa. Vậy thì còn lại một ngày yên nghỉ cho dân Đức Chúa Trời. Vì ai vào sự yên nghỉ của Đức Chúa Trời, thì nghỉ công việc mình, cũng như Đức Chúa Trời đã nghỉ công việc của Ngài vậy. Vậy, chúng ta phải gắng sức vào sự yên nghỉ đó, hầu cho không có một người nào trong chúng ta theo gương kẻ chẳng tin kia mà vấp ngã. Vì Lời của Đức Chúa Trời là Lời sống và linh nghiệm, sắc hơn gươm hai lưỡi, thấu vào đến đổi chia hồn, linh, cốt, tủy, xem xét tư tưởng và ý định trong lòng. Chẳng có vật nào được giấu kín trước mặt Chúa, nhưng thấy đều trần trụi và lộ ra trước mắt Đấng mà chúng ta phải thưa lại, ấy vậy, vì chúng ta có thầy tế lễ thượng phẩm lớn đã trải qua các tầng trời, tức là Đức Chúa Jêsus, Con Đức Chúa Trời, thì hãy bền giữ đạo chúng ta đã nhận tin. Vì chúng ta không có thầy tế lễ thượng phẩm chẳng có thể cảm thương sự yếu đuối chúng ta, bền có một thầy tế lễ bị thử thách trong mọi việc cũng như chúng ta, song chẳng phạm tội. Vậy, chúng ta hãy vững lòng đến gần ngôi ơn phước, hầu cho được thương xót và tìm được ơn để giúp chúng ta trong thì giờ có cần dùng.

Câu gốc cần ghi nhớ:

Giăng 4:21-24: Đức Chúa Jêsus phán rằng: Hỡi người đàn bà, hãy tin ta, giờ đến, khi các người thờ lạy Cha, chẳng tại trên hòn núi nầy, cũng chẳng tại thành Giê-ru-sa-lem. Các người thờ lạy sự các người không biết, chúng ta thờ lạy sự chúng ta biết, vì sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến. Nhưng giờ hầu đến, và đã đến rồi, khi những kẻ thờ phượng thật lấy tâm thần và lễ thật mà thờ phượng Cha: ấy đó là những kẻ thờ phượng mà Cha ưa thích vậy. Đức Chúa Trời là Thần, nên ai thờ lạy Ngài thì phải lấy tâm thần và lễ thật mà thờ lạy.

Rô-ma 1:16-17: Thật vậy, tôi không hổ thẹn về Tin Lành đâu, vì là quyền phép của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin, trước là người Giu-đa, sau là người Gô-réc; vì trong Tin Lành nầy có bày tỏ sự công bình của Đức Chúa Trời, bởi đức tin mà được, lại dẫn đến đức tin nữa, như có chép rằng: Người công bình sẽ sống bởi đức tin.